

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
NĂM 2018

Số:/BC-HĐQT

Nam Định, ngày ... tháng ... năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
NĂM 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp nước Nam Định
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600008000
- Vốn điều lệ: 343.117.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 169.843.152.000 đồng
- Địa chỉ: Số 30 đường Cù Chính Lan, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0228) 3649510
- Số fax: (0228) 636679
- Website: capnuocnamdinh.vn
- Mã chứng khoán:

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định là Nhà máy nước Nam Định, được xây dựng vào năm 1924 với công suất ban đầu 600m³/ngày đêm để phục vụ cho nhu cầu của bộ máy cai trị của Pháp tại địa phương. Vào thời gian này, nhân dân thành phố chỉ được sử dụng rất hạn chế qua một số vòi công cộng đặt ở hè phố.

Năm 1946, Nhà máy phải ngừng hoạt động do cuộc kháng chiến chống Pháp với phong trào tiêu thổ kháng chiến. Sau 10 năm ngừng hoạt động, với sự trợ giúp của Liên Xô cũ, Nhà máy đã được khôi phục lại nâng công suất lên 6.000m³/ngày đi vào hoạt động từ ngày 02/9/1956 vẫn với tên gọi là Nhà máy nước Nam Định.

Năm 1992, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Hà. Đến năm 1997 đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Định.

Để phù hợp với cơ chế thị trường, theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cấp nước Nam Định thành Công ty TNHH Một thành viên kinh doanh nước sạch Nam Định, Công ty chính thức được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định hoạt động theo Luật Doanh

nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600008000 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Cùng với việc sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty đã mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh như: Sản xuất nước tinh khiết, thi công xây lắp, kinh doanh vật tư phụ tùng thiết bị ngành nước, sản xuất sản phẩm nhựa composit... để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có thêm thu nhập để tái sản xuất và mở rộng quy mô.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 21/03/2013 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt danh sách doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa trong năm 2013, Công ty đã từng bước triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định.

Ngày 19/07/2017, UBND tỉnh Nam Định ra Quyết định số 1616/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định và Công văn số 496/UBND-VP5 phê duyệt Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định.

Ngày 18/10/2017, Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài. Theo đó, toàn bộ 986.075 cổ phần (tương đương 2,87% vốn điều lệ tính theo mệnh giá) đã được phân phối hết cho 16 nhà đầu tư tham gia đấu giá.

Ngày 13/12/2017, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần cấp nước Nam Định.

Ngày 28/12/2007 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600008000 cấp lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 29/12/2017 với vốn điều lệ thực góp là 343.117.480.000 đồng. Và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2018.

Ngày 23/01/2019, Công ty cổ phần cấp nước Nam Định được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 602/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Trải qua hơn 90 năm phát triển và trưởng thành, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Nam Định. Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhận được nhiều bằng khen của UBND tỉnh Nam Định và Chính phủ.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.

+ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết.

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

+ Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước uống tinh khiết.

+ Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.

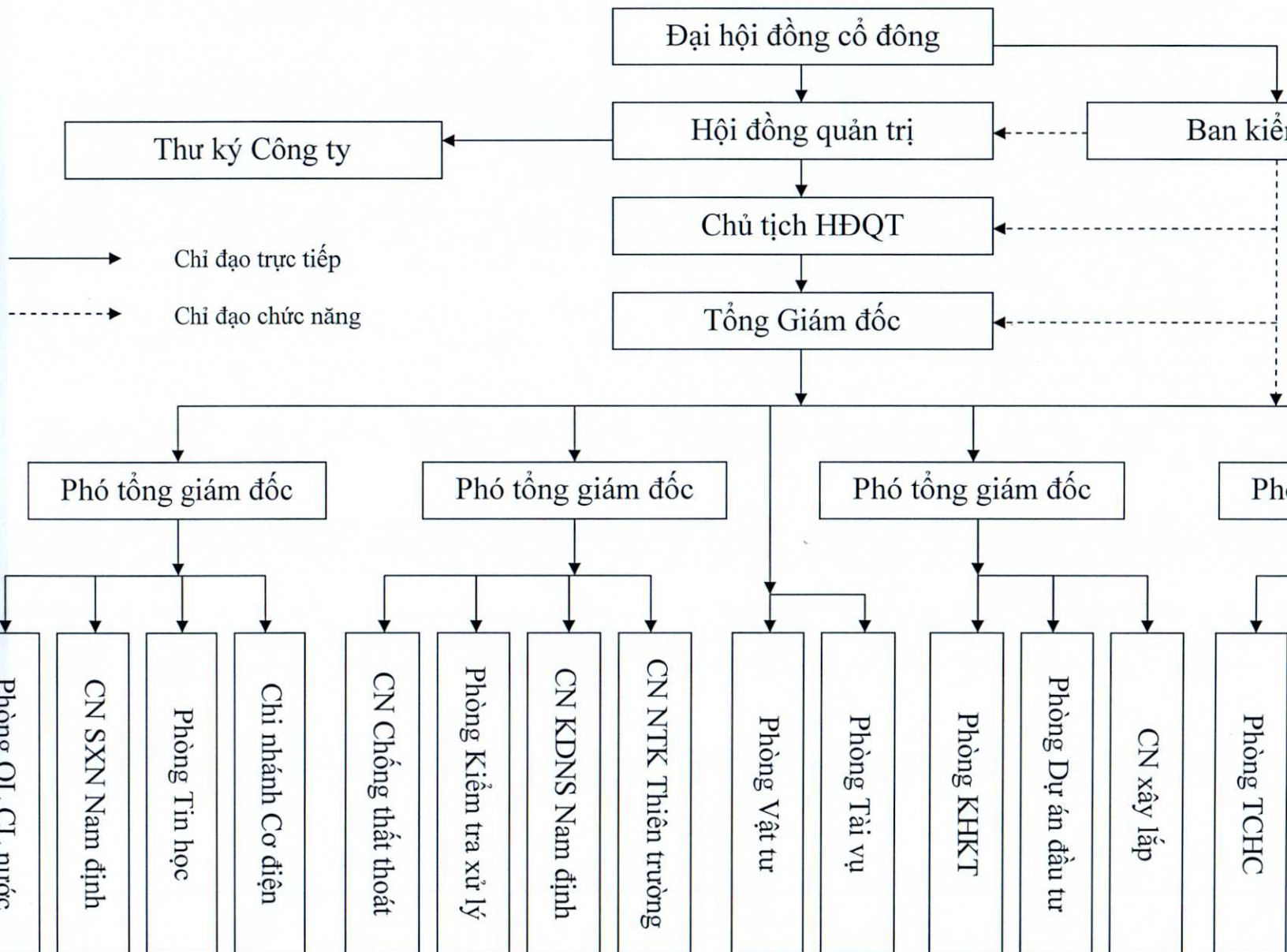
+ Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước, công nghệ xử lý nước.

+ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Lắp đặt đường ống, xây lắp các công trình cấp thoát nước; Sản xuất và mua bán nước uống tinh khiết đóng chai.

- Địa bàn kinh doanh: trong tỉnh Nam Định.

3. Thông tin tổ chức bộ máy quản lý của công ty như sau:

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần cấp nước Nam định



4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Đảm bảo an ninh nước sạch; Sản xuất và cung cấp nước an toàn, tiến đến cấp nước an toàn với chất lượng và dịch vụ hoàn hảo, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động ; Huy động và sử dụng vốn hiệu quả, hướng đến mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng ; Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Xây dựng Công ty cổ phần cấp nước Nam Định trở thành đơn vị có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, sớm hội nhập với khu vực và thế giới.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước, phân đầu đưa tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100% vào năm 2020; Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH và phát triển KT-XH của tỉnh.

+ Bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân trên 5%/năm (giai đoạn 2018÷2020); Nâng tổng công suất từ 100.600m³ lên 106.600m³/ng.đ, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nâng công suất các nhà máy xử lý nước, các trạm bơm tăng áp và các đường ống truyền tải nâng cao năng lực cấp nước; Giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước hàng năm 1%; tăng NSLĐ tối thiểu 3%/năm; Mở rộng ngành nghề hoạt động nhất là các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế như thi công xây lắp, sản xuất nước tinh khiết nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

+ Phát hành thêm cổ phần phổ thông tăng vốn điều lệ để tương xứng với tiềm năng, uy tín của công ty.

+ Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá nước đảm bảo đủ bù đắp chi phí để trích khấu hao trả nợ các dự án vay vốn đầu tư phát triển cấp nước.

+ Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch.

+ Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định là sản xuất và kinh doanh nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho sinh hoạt và hoạt động sản

xuất kinh doanh của nhân dân, do đó nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên những thay đổi này có thể thấy được mặt tích cực như việc tạo hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước giúp cho công ty có cơ hội đổi mới công nghệ.

- Rủi ro đầu vào sản xuất: Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Do đó, trong quá trình mở rộng sản xuất, Công ty có thể chịu rủi ro về chất lượng nguồn nước khai thác, đặc biệt là vào mùa khô. Hiện nay, nguồn nước ngầm đã bị xâm thực mặn do tác động của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay, nguồn nước mặt chịu rủi ro ô nhiễm lớn từ nước thải sinh hoạt và công nghiệp ngày càng gia tăng.

- Rủi ro thất thoát: Các tuyến đường ống dọc hành lang giao thông thường xuyên chịu tác động dễ gây vỡ ống, rò rỉ; Quy hoạch hạ tầng không đồng bộ, chỉnh trang đô thị xây dựng nông thôn mới ảnh hưởng đến đường ống cấp nước của công ty; Tình trạng gian lận nước sạch bằng cách khoan thẳng vào mạng đường ống, lắp đặt ống riêng để sử dụng không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước và gây nguy hại cho đường ống chính, có thể gây vỡ, rò rỉ nước.

- Rủi ro giá đầu ra: Nước sạch là sản phẩm công ích mang tính an sinh xã hội, giá nước chịu sự kiểm soát của Nhà nước do vậy khi có biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào, giá nước chưa được điều chỉnh kịp và phụ thuộc vào khung giá nước nhà nước ban hành.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.075.438.560	212.779.989.353
Doanh thu thuần	304.075.438.560	212.779.989.353
Lợi nhuận gộp	59.039.144.015	66.327.532.098
Lợi nhuận thuần	13.814.391.874	21.474.525.485
Lợi nhuận khác	1.010.502.718	368.089.326

Lợi nhuận trước thuế	14.824.894.592	21.842.614.811
Lợi nhuận sau thuế	11.626.714.403	17.450.358.709

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định và BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh thực hiện 2018 với (*)	
				Kế hoạch 2018 (%)	Thực hiện 2017 (%)
Tổng doanh thu	304.075.438.560	209.600.000.000	212.779.989.353	-	-
Lợi nhuận trước thuế	14.824.894.592	18.000.000.000	21.842.614.811	-	-
Lợi nhuận sau thuế	11.626.714.403	14.400.000.000	17.450.358.709	-	-
Cổ tức (%)	-	3,78%	4,5%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định, Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu của Công ty, BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

(*): Không đồng nhất về loại hình doanh nghiệp nên không so sánh)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ
			Tổng	Cá nhân	Đại diện	
1	Nguyễn Sỹ Long	Tổng giám đốc	7.063.559	201.209	6.862.350	20,584%
2	Bùi Xuân Thiêm	Phó TGD	5.600	5.600		0,016%
3	Trần Ngọc Chiến	Phó tổng giám đốc	7.200	7.200		0,021%
4	Đỗ Hữu Minh	Phó tổng giám đốc	6.200	6.200		0,018%
5	Nguyễn Thành Trì	Kế toán trưởng	73.976	73.976		0,216%

2.2. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

✚ Ông Nguyễn Sỹ Long – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Sỹ Long
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/9/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 139 Văn Cao, phường Năng Tĩnh, TPND
- CMTND số 161842172, Nơi cấp: CA tỉnh Nam Định, Ngày cấp: 12/7/2012
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

✚ Ông Bùi Xuân Thiêm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Bùi Xuân Thiêm
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/3/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51 Cù Chính Lan - Trần Tế Xương - ND
- CMTND số 036063003567, ngày 30/08/2017 tại Cục cảnh sát
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

✚ Ông Trần Ngọc Chiến - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Trần Ngọc Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/04/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 14/187 Đường 19/5 Phường Trần Tế Xương – Nam Định
- CMTND số 036066002873 cấp ngày 02/06/2017 tại Cục Cảnh sát
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

✚ Ông Nguyễn Thành Trì - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thành Trì
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/12/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 29 Đinh Thị Vân, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- CMTND số 161956758 cấp ngày 31/07/2008 tại CA. tỉnh Nam Định

11/01/2018 10:11:11

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

👇 **Ông Đỗ Hữu Minh – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Đỗ Hữu Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/01/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: La Phù - Ninh Khang - Hoa Lư - Ninh Bình
- CMTND số 164141326 cấp ngày 08/08/2008 tại CA Ninh Bình
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số người lao động trong doanh nghiệp tính đến 31/12/2018 là: 520 người

Lao động tham gia BHXH là: 520 người.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn ca, tham quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi Được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với công ty, lao động, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2018 Công ty đầu tư xây dựng công trình tuyến ống nước thô mới cho chi nhánh cấp nước Vụ Bản bằng nguồn vốn vay tín dụng.
- Hầu hết các công trình đều triển khai đúng tiến độ, một số công trình bị chậm tiến độ do quá trình giải phóng mặt bằng thi công vướng mắc. Công ty đang phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	497.975.583.635	492.506.740.304
Doanh thu thuần	304.075.438.560	212.779.989.353
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.814.391.874	21.474.525.485

Lợi nhuận khác	1.010.502.718	368.089.326
Lợi nhuận trước thuế	14.824.894.592	21.842.614.811
Lợi nhuận sau thuế	11.626.714.403	17.450.358.709
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	4,5%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định và BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,91	0,96
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	0,80
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,27
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,64	0,37
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	8,27	11,42
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,43
<u>Doanh thu thuần</u>			
Tổng tài sản			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,82	8,20
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,17	4,84
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,33	3,54
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,54	10,09

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định và BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và phân loại cổ phần đang lưu hành:
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.408.683 cổ phiếu (chiếm 53,65%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 15.903.065 cổ phiếu (chiếm 46,35%)

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông trong nước	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	16.984.315	49,5%
2	Cổ đông trong Công ty (CP quỹ và CBCNV)	3.031.100	9,4%
3	Cổ đông ngoài Công ty (Tổ chức)	14.102.065	41,1%
Tổng cộng		34.311.748	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Dây truyền sản xuất nước tuần hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường. Bùn sau sản xuất được cô đặc thu gom vận chuyển và xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3. Tiêu thụ nước sạch: (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động tính đến 31/12/2018: 520 người

Mức lương trung bình đạt: 6,1 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất các lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Nam Định. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động có điều kiện khó khăn, tuyên dương người lao động có thành tích tốt trong công tác. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn quan tâm chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực, Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo đồng thời cử người lao động đi học tập tập trung nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội, tham gia các phong trào tương thân tương ái, quan hệ mật thiết và phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội ở nơi làm việc.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	304.075.438.560	212.779.989.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	304.075.438.560	212.779.989.353
4. Giá vốn hàng bán	11	245.036.294.545	146.452.457.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	59.039.144.015	66.327.532.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	555.282.981	47.227.055

7. Chi phí tài chính	22	8.047.508.932	7.294.315.894
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8.047.508.932	7.294.315.894
8. Chi phí bán hàng	25	20.275.008.150	18.875.045.278
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.457.518.040	18.730.872.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30	13.814.391.874	21.474.525.485
11. Thu nhập khác	31	1.931.311.070	593.755.029
12. Chi phí khác	32	920.808.352	225.665.703
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1.010.502.718	368.089.326
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	14.824.894.592	21.842.614.811
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.198.180.189	4.392.256.102
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60	11.626.714.403	17.450.358.709
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	509

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định và BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hóa công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hóa sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn lũy kế (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Nhà cửa vật kiến trúc	290.673.467.666	187.970.966.158	102.702.501.508
2	Máy móc thiết bị	78.614.046.937	64.033.641.730	14.580.405.207
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	608.230.046.937	344.712.678.923	263.517.681.910
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.506.126.987	915.631.165	1.590.495.822
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
	Tổng cộng	980.024.002.423	597.632.917.976	382.391.084.447

Tình hình tài sản công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao. Công ty không có tài sản ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tính đến 31/12/2018 nợ phải trả là: 132.067.171.595 đồng trong đó:

+ Nợ ngắn hạn là: 81.193.302.247 đồng

+ Nợ dài hạn là: 50.873.869.348 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả xấu không có.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay: Các khoản vay của Công ty bao gồm cả khoản vay của Công ty bao gồm các khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Nam Định được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hiệp định và các hợp đồng vay, khế ước vay.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại các số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

* Về cơ cấu tổ chức

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, công ty đã rà soát lại cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Dự kiến trong thời gian tới sẽ sáp nhập một số phòng, chi nhánh cho phù hợp.

* Về chính sách

Phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. Đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

* Về quản lý

Thực hiện quản trị công ty cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần đảm bảo theo hướng công khai minh bạch.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước, phấn đấu đưa tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100% vào năm 2020; Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH và phát triển KT-XH của tỉnh.

- Bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, công ty phấn đấu năm 2019 sản lượng nước đạt 27,169 triệu m³; doanh thu đạt 206.69 tỷ đồng; Tỷ lệ trả cổ tức không thấp hơn 5%.

- Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá nước đảm bảo đủ bù đắp chi phí để trích khấu hao trả nợ các dự án vay vốn đầu tư phát triển cấp nước.

- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch.

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người lao động.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Bằng các biện pháp tiết kiệm năng lượng triệt để cho quá trình sản xuất như lắp đặt hệ thống biến tần và các biện pháp tiết kiệm năng lượng đồng bộ, công ty đã thực hiện tiêu thụ điện năng giảm so với định mức điện sản xuất nước sạch theo Quyết định số 590 của Bộ Xây dựng về sản xuất nước sạch.

Công ty sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường, nước bùn được cô đặc trong bể chứa bùn, phơi khô và được đơn vị chuyên ngành thu gom và xử lý.

Đồng thời lượng chất thải rác thải ảnh hưởng đến môi trường như: khăn lau dính máy, vỏ bao bì đựng hóa chất... công ty bố trí kho lưu trữ và thuê đơn vị chuyên ngành xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chất thải sinh hoạt của công ty không đáng kể được công ty thu gom vào thùng rác trong khuôn viên và chuyển cho đơn vị thu gom rác của thành phố.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

10/12/2019

Công ty luôn đảm bảo tất các lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Nam Định. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động những dịp lễ, tết, tặng quà cho con người lao động đạt thành tích trong học tập. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được Công ty quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động sau giờ làm việc căng thẳng qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
Ngoài công tác sản xuất và phát triển dịch vụ cấp nước phục vụ nhân dân trong toàn tỉnh, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ và các hoạt động tương thân, tương ái, hoạt động tình nghĩa ... cũng như nhiều hoạt động khác của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty. Đồng thời thực hiện tốt chính sách đối với người lao động qua đó hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Các chỉ tiêu như sản lượng nước thương phẩm vượt 2,9%, doanh thu tăng 2,4%, lợi nhuận sau thuế tăng 22,2%. Qua đó tỷ lệ trả cổ tức của công ty tăng 9% so với kế hoạch đã đề ra.

Hội đồng quản trị quản lý, giám sát việc đầu tư xây dựng theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của công ty. Trong các phiên họp, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc quản lý hoạt động đầu tư theo đúng chủ trương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đảm bảo bảo toàn vốn, phát triển sản xuất kinh doanh và ưu tiên cho lợi ích của cổ đông.

Bên cạnh đó Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc kiện toàn lại bộ máy tổ chức theo phương án sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2018 theo kế hoạch bố trí lao động là 531 người, Công ty đã sắp xếp lại lao động tại các đơn vị, chi nhánh đảm bảo cân đối và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó số lao động tại thời điểm 31/12/2018 là 520 người giảm 11 người so với kế hoạch đề ra.

Chỉ đạo hoàn thiện, kiện toàn các quy chế hoạt động của công ty theo mô hình mới như: Phân công nhiệm vụ các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quy chế quản trị Công ty; Nội quy và Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế quản lý tài chính; Thang bảng lương và lương đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.... theo đúng quy định của nhà nước để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động của công ty.

Bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

Đi đôi với duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn làm tốt công tác bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn cho sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2018 Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động của doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần do đó có sự khác biệt lớn trong quản trị, điều hành giữa hai mô hình tổ chức. Tuy nhiên Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

- Công tác điều hành, giám sát các chi nhánh trực thuộc trong hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện sát sao thông qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý và kịp thời điều chỉnh và khắc phục các bất cập phát sinh và thúc đẩy các chi nhánh triển khai chiến lược kinh doanh để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra năm 2018.

- Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Việc trao đổi và cập nhật thông tin nhanh chóng giúp Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và đưa ra các ý kiến chỉ đạo hiệu quả theo định hướng chiến lược đề ra.

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch phân đầu năm 2019

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Nước sản xuất:	Triệu m ³	27,169
2	- Nước thương phẩm:	Triệu m ³	26,67
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	<20
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	135.180
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	343.117,48
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	210.090

3	Tổng chi phí	Triệu đồng	186.090
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	19.200
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách (các loại thuế, phí)	Triệu đồng	22.000
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	11,4%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	7%
4	Trả cổ tức bằng tiền không thấp hơn	%	5%

3.2. Một số hoạt động quan trọng khác:

- Năm 2019 HĐQT Công ty sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo và giám sát thường xuyên chặt chẽ công tác triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư để đảm bảo mục tiêu phát triển mở rộng dịch vụ cấp nước của công ty.
- Phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc tìm kiếm và nâng cao hơn nữa công tác quản trị công ty đảm bảo công khai minh bạch, quản trị hệ thống cấp nước, công nghệ xử lý nước sạch đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước cho nhân dân.
- Phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc nghiên cứu bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển của công ty cho phù hợp với tình hình mới.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ	Ghi chú
			Tổng	Cá nhân	Đại diện		
1	Trần Đăng Quý	Chủ tịch HĐQT	10.322.37 3	200.407	10.121.96 6	30,584%	TV HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Sỹ Long	Phó Chủ tịch HĐQT	7.063.559	201.209	6.862.350	20,586%	TV HĐQT điều hành
3	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	7.200	7.200		0,018%	TV HĐQT điều hành

4	Bùi Xuân Thiêm	Thành viên HĐQT	5.600	5.600		0,016%	TV HĐQT điều hành
5	Nguyễn Thành Trì	Thành viên HĐQT	73.976	73.976		0,216%	TV HĐQT điều hành
6	Trần Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	4.632.086		4.632.086	13,5%	TV HĐQT không điều hành
7	Đình Văn Hòa	Thành viên HĐQT	6.347.673		6.347.673	18,5%	TV HĐQT không điều hành
8	Kiều Hải Anh	Thành viên HĐQT	3.122.306		3.122.306	8,5%	TV HĐQT không điều hành

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Kể từ ngày thành lập công ty cổ phần cấp nước Nam Định 29/12/2017, Hội đồng quản trị công ty đã triển khai 07 cuộc họp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và ban hành các nghị quyết cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 1 HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023	13/12/2017	Bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT và phân công nhiệm vụ các thành viên
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	19/4/2018	Giao cho Ban điều hành hoàn thiện hồ sơ xây dựng tuyến ống nước thô mới cho Chi nhánh cấp nước Vụ Bản
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	24/4/2018	Giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện dự án nâng công suất cho Chi nhánh cấp nước Ý Yên.
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	24/4/2018	Phê duyệt Quỹ tiền lương của Cán bộ quản lý và người lao động Công ty

5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	24/7/2018	Giao cho Ban điều hành tiếp tục thực hiện các dự án và hoàn thiện công tác bàn giao sang công ty cổ phần
6	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	23/10/2018	Thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước khu vực 07 xã phía Bắc huyện Ý Yên
7	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	28/12/2018	Giao cho Ban điều hành hoàn thiện quy chế khoán lương toàn Công ty, sáp nhập 2 chi nhánh xây lắp và rà soát điều chỉnh sắp xếp lao động phù hợp trong các đơn vị trực thuộc.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Hồng Phấn	Trưởng ban	55.876	0,163%
2	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên không chuyên trách	6.400	0,019%
3	Trần Hồng Đức	Thành viên không chuyên trách	6.300	0,018%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Hồng Phấn	Trưởng ban	13/12/2017	7	100%	
2	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên	13/12/2017	7	100%	
3	Trần Hồng Đức	Thành viên	13/12/2017	7	100%	

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc
- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty
- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát
- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc HĐQT, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro, cụ thể:
 - + Phối hợp cùng phòng Tài vụ kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - + Giám sát việc chấp hành các Quy chế, Quy định của Công ty.
 - + Giám sát thường xuyên tình hình SXKD và tình hình tài chính của Công ty.

Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- *Cuộc họp lần thứ nhất ngày 13/12/2017*: Bầu Trưởng Ban Kiểm Soát
- *Cuộc họp lần thứ hai 01/01/2018*: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát, thảo luận tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Báo cáo HĐQT trước khi ban hành quy chế hoạt động của Ban.
- *Cuộc họp lần thứ ba 5/7/2018*: Phiên trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý II/2018 của Công ty
- *Cuộc họp lần thứ tư 25/7/2018*: - Thông qua các chỉ tiêu BCTC quý II/2018, thông qua báo cáo kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2018 của Ban kiểm soát.
- Cuộc họp lần thứ năm 5/10/2018*: Phiên trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý III/2018
- *Cuộc họp lần thứ sáu ngày 25/10/2018*: Thông qua các chỉ tiêu BCTC quý III/2018. Soát xét các công trình xây dựng cơ bản dở dang, tổng hợp đề nghị HĐQT xem xét đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán kịp tiến độ
- *Cuộc họp lần thứ 7 ngày 25/12/2018*: Tổng kết công tác năm 2018, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên BKS. Trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý IV, cả năm 2018
- Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thù lao	Số tiền
1	Trần Đăng Quý	Chủ tịch HĐQT	Lương + Thù lao	354.000.000
2	Nguyễn Sỹ Long	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	Lương + Thù lao	338.400.000
3	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT – Phó TGD	Lương + Thù lao	300.000.000
4	Bùi Xuân Thiêm	Thành viên HĐQT – Phó TGD	Lương + Thù lao	300.000.000
5	Nguyễn Thành Trì	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Lương + Thù lao	276.000.000
5	Đình Văn Hòa	Thành viên HĐQT	Thù lao	24.000.000
6	Trần Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	Thù lao	24.000.000
7	Kiều Hải Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao	24.000.000

*Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thù lao	Số tiền
1	Trần Thị Hồng Phấn	Trưởng ban	Lương + Thù lao	294.000.000
2	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên	Thù lao	12.000.000
3	Trần Hồng Đức	Thành viên	Thù lao	12.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ theo đúng các quy định về quản trị công ty theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán (có chi tiết kèm theo).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Đăng Quý